

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2025/DS-ST

Ngày: 14-3-2025.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH PHÚ - TỈNH BẾN TRE

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Trí

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Cẩm Hồng

Ông Võ Văn Hiên

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Sĩ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 14 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 15/2025/TLST-DS ngày 14 tháng 01 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Ông H ủy quyền cho Phạm Quang H1, sinh năm: 1980, Nguyễn Cao D, sinh năm 2002. Địa chỉ: ấp G, xã P, huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia tố tụng.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm: 1983, chị Phan Thị Ngọc C, sinh năm; 1988.

Địa chỉ: 1 ấp Q, xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Chị C ủy quyền cho anh Q tham gia tố tụng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án đại diện nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2022 ông H với vợ chồng ông Q và bà C có thỏa thuận mua bán tài sản về việc bán cho vợ chồng ông Q và bà C thuốc và thức ăn nuôi trồng thủy sản. Đến ngày 29/11/2022 hai bên quyết toán công nợ vợ chồng ông Q, bà C còn nợ ông H số tiền là 314.953.000 đồng.

Ông H nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Q và bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền cho ông H nhưng vợ chồng ông Q và bà C vẫn không trả.

Đến ngày 07/10/2023 hai bên lập biên bản xác nhận công nợ vợ chồng ông Q và bà C thừa nhận nợ ông H số tiền 314.953.000 đồng.

Nay, yêu cầu vợ chồng ông Q, bà C phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền gốc 314.953.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 10% năm kể từ ngày 29/11/2022 cho đến ngày tòa án giải quyết xong vụ án, tạm tính tiền lãi đến ngày 29/12/2024 là 25 tháng với số tiền là 65.615.000 đồng.

Theo bản khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa ông Nguyễn Văn Q trình bày:

Vợ chồng tôi thừa nhận còn thiếu ông Trần Văn H tổng số tiền là 314.953.000 đồng và vợ chồng tôi chấp nhận trả cho ông H số tiền nêu trên, không đồng ý phần lãi suất ông H yêu cầu với mức lãi suất là 10%/năm tính từ ngày 29/11/2022 đến ngày giải quyết xong vụ án. Tạm tính từ ngày 29/11/2022 đến ngày 29/12/2024 là 65.615.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

1.2 Bị đơn có nơi cư trú tại xã Q, huyện T, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú thụ lý đúng thẩm quyền.

1.3 Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Quang H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, chị Phan Thị Ngọc C ủy quyền cho anh Nguyễn Văn Q. Do đó, căn cứ Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự nêu trên.

[2] Về nội dung:

2.1 Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc là 314.953.000 đồng và tính lãi từ ngày 29/11/2022 đến ngày 29/12/2024 với mức lãi suất 10%/năm là 65.615.000 đồng. Đồng thời tiếp tục tính lãi đến khi giải quyết xong vụ án với lãi suất 0,83%/tháng. Tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là biên bản xác nhận công nợ ngày 07/10/2023, sổ mua bán thức ăn ngày 29/11/2022.

2.2 Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Văn Q thừa nhận còn nợ ông Trần Văn H số tiền gốc là 314.953.000 đồng và đồng ý trả số nợ nêu trên. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 bộ luật tố tụng dân sự.

2.3 Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn: Ông Trần Văn H yêu cầu ông Nguyễn Văn Q và bà Phan Thị Ngọc C liên đới có nghĩa vụ trả số tiền lãi tạm tính từ

ngày 29/11/2022 đến ngày 29/12/2024 với số tiền là 65.615.000 đồng nhưng ông Q không đồng ý.

Biên bản xác nhận công nợ ngày 07/10/2023 có nội dung hai bên thống nhất xác nhận nợ tính đến ngày 29/11/2022 ông Nguyễn Văn Q nợ ông Trần Văn H số tiền là 314.953.000 đồng. Biên bản xác nhận công nợ các bên không ghi có thỏa thuận lãi suất nhưng đến hạn trả tiền bị đơn không trả hoặc trả không đầy đủ thì bên nguyên đơn có quyền được yêu cầu trả tiền lãi tương ứng với thời gian chậm trả của bị đơn. Nguyên đơn yêu cầu trả lãi suất tính từ ngày 29/11/2022 cho đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm nhưng bị đơn không đồng ý. Do có phát sinh tranh chấp về lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn (không vượt quá 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng). Yêu cầu của nguyên đơn về lãi suất là 0,83%/tháng là không vượt quá mức lãi suất quy định. Tuy nhiên, thời gian yêu cầu tính lãi suất được xác định từ ngày các bên xác nhận công nợ, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất từ ngày 29/11/2022 là chưa phù hợp. Do đó, số tiền lãi được xác định từ ngày xác định công nợ cụ thể như sau:

Từ ngày 07/10/2023 đến khi xét xử ngày 14/3/2025: Số tiền 314.953.000 đồng x 0,83% x 17 tháng 07 ngày = 45.049.000 đồng.

Từ những phân tích trên, cần buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Phan Thị Ngọc C liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn H tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 14/3/2025 là: 360.002.000 đồng là phù hợp. Không chấp nhận yêu cầu của ông H buộc anh Q, chị C liên đới nghĩa vụ trả số tiền lãi tính từ ngày 29/11/2022 đến ngày 07/10/2023 là: 314.953.000 đồng x 0,83% x 10 tháng 08 ngày = 26.838.000 đồng.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm: Đương sự có nghĩa vụ chịu theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 430, 440, 468 Bộ luật dân sự 2015.
- Áp dụng các Điều 26, 35, 39, 92 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn H đối với anh Nguyễn Văn Q và chị Phan Thị Ngọc C.

Buộc anh Nguyễn Văn Q và chị Phan Thị Ngọc C liên đới có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn H số tiền là 360.002.000 (Ba trăm sáu mươi triệu không trăm lẻ hai nghìn) đồng.

Kể từ khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu của ông Trần Văn H đối với anh Nguyễn Văn Q và chị Phan Thị Ngọc C liên đới có nghĩa vụ trả số tiền 26.838.000 đồng.

3. Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q và chị Phan Thị Ngọc C liên đới có nghĩa vụ chịu án phí với số tiền là 18.000.000 (Mười tám triệu) đồng. Ông Trần Văn H có nghĩa vụ nộp án phí với số tiền là 1.342.000 đồng. Tuy nhiên, ông Trần Văn H là người cao tuổi nên được miễn chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạnh Phú.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- CCTHADS huyện Thạnh Phú.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Trí